| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 103/2020/DS-PT
Ngày: 22 - 5 - 2020.
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Hoàng Kim Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐ-PT ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 108/2020/QĐ-PT ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn**: Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số X đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Bị đơn**: Bà Mai Thị TH, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn O, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Trường K, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn O, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

***Người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị TH và ông Nguyễn Trường K***: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số Z đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn bà Mai Thị TH.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày:*

Ngày 10/10/2017, bà Mai Thị TH có vay của bà số tiền 51.800.000 đồng, khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền, không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 18/10/2017. Mục đích bà TH vay tiền để làm gì thì bà không biết mà bà chỉ nghe bà TH nói vay về sử dụng vào việc riêng. Quá thời hạn trả nợ bà có yêu cầu bà TH trả nợ nhiều lần nhưng bà TH không trả.

Nay bà yêu cầu bà TH phải trả số tiền 73.500.000 đồng (trong đó 51.800.000 đồng tiền gốc và 21.700.000 đồng tiền lãi tính theo lãi suất 2%/tháng kể từ ngày vay 10/10/2017 đến ngày 01/7/2019). Việc vay mượn giữa bà và bà TH thì chồng bà TH là ông Nguyễn Trường K không biết nên bà không yêu cầu ông K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Mai Thị TH trình bày:*

Vào ngày 10/10/2017 vợ chồng bà không vay tiền của bà Võ Thị Hồng H như bà H trình bày, đối với Giấy vay tiền ghi ngày 10/10/2017 do bà H cung cấp thì đây là giấy vay tiền giả tạo, chữ ký chữ viết trong Giấy vay tiền nêu trên cũng không phải chữ ký, chữ viết của bà. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K trình bày:*

Ông là chồng của bà Mai Thị TH, ông đồng ý với ý kiến trình bày của bà TH và ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H.

Buộc bà Mai Thị TH phải trả cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 60.556.000 đồng, trong đó 51.800.000 đồng tiền gốc và 8.756.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.** Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H về việc buộc bà Mai Thị TH trả cho bà H số tiền 12.944.000 đồng tiền lãi.

**3.** Về chi phí giám định: Bà Mai Thị TH phải chịu 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Do bà Võ Thị Hồng H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký nên bà TH phải trả lại cho bà H số tiền 4.320.000 đồng.

**4.** Về án phí:

Bà Mai Thị TH phải chịu 3.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Hồng H phải chịu 647.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 1.838.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0003311 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Trả lại cho bà H 1.191.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019 bị đơn bà Mai Thị TH kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Do đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị TH không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị TH được nộp trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí là hợp lệ và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày vào ngày 10/10/2017 bị đơn bà Mai Thị TH có vay của bà số tiền 51.800.000 đồng, khi vay hai bên có viết Giấy vay tiền, không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 18/10/2017, nhưng đến

nay bà TH chưa trả khoản tiền nào cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Mai Thị TH phải trả cho bà 51.800.000 đồng tiền gốc và 21.700.000 đồng tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn bà Mai Thị TH cho rằng là bà không vay tiền của bà H, chữ ký chữ viết trong Giấy vay tiền ghi ngày 10/10/2017 do bà H cung cấp là không phải chữ ký, chữ viết của bà nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bị đơn bà Mai Thị TH không thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H nhưng theo trình bày của bà H và theo Giấy vay tiền đề ngày 10/10/2017 do bà H cung cấp có thể hiện nội dung bên vay là bà Mai Thị TH, trú tại thôn O, xã C có vay của bà H, số tiền vay là 51.800.000 đồng, hẹn đến ngày 18/10/2017 trả cả gốc và lãi; và dưới mục bên vay, dưới chữ "vợ" thì có chữ ký, chữ viết mà bà H xác định đó là chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị TH. Tại kết luận giám định số 130/PC09, ngày 05/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk và tại Kết luận giám định số 48/GĐKTHS-P11, ngày 30/3/2020 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ quốc phòng đều có kết luận là chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Mai Thị TH" cần giám định với chữ ký, chữ viết trong mẫu so sánh của bà Mai Thị TH là do cùng một người ký và viết ra, tức là chữ viết chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 10/10/2017 do bà H cung cấp cho Tòa án là chữ viết chữ ký của bà Mai Thị TH.

Ngoài ra, bà TH không có cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định vào ngày 10/10/2017 bà TH có vay tiền của bà H với số tiền gốc là 51.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, buộc bà TH trả cho bà H 51.800.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh là có căn cứ nên đơn kháng cáo của bị đơn không có cơ chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất của khoản tiền vay: Do nguyên đơn không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[3] Về chi phí giám định:

- Về chi phí giám định tại Tòa án cấp sơ thẩm: Theo kết quả giám định số 130/PC09, ngày 05/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thì bị đơn phải chịu 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định là đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chi phí giám định tại Tòa án cấp phúc thẩm: Theo kết quả giám định số 48/GĐKTHS-P11 ngày 30/3/2020 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ quốc phòng không chứng minh được yêu cầu của bà Mai Thị TH nên bà TH phải chịu

3.372.000 đồng tiền chi phí giám định là đúng quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, bà TH đã nộp xong số tiền 3.372.000 đồng.

Đối với số tiền còn lại là: 6.000.000đ – 3.372.000đ = 2.628.000 đồng thì Tòa án đã trả lại cho ông Nguyễn Tiến T là người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị TH và ông T đã nhận đủ số tiền 2.628.000 đồng.

[4]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị TH.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H.

Buộc bà Mai Thị TH có nghĩa vụ phải trả cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 60.556.000 đồng (Sáu mươi triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng), trong đó 51.800.000 đồng tiền gốc và 8.756.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H về việc buộc bà Mai Thị TH trả cho bà H số tiền 12.944.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền lãi.

3. Về chi phí giám định:

- Về chi phí giám định tại Tòa án cấp sơ thẩm: Bị đơn bà Mai Thị TH phải chịu 4.320.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền chi phí giám

định. Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) sau khi thu được từ bà Mai Thị TH.

- Về chi phí giám định tại Tòa án cấp phúc thẩm: Bị đơn bà Mai Thị TH phải chịu 3.372.000 đồng (Ba triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền chi phí giám định và được khấu trừ số tiền đã nộp. Như vậy, bà Mai Thị TH đã nộp xong số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Mai Thị TH phải chịu 3.028.000 đồng (Ba triệu, không trăm, hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Hồng H phải chịu 647.000 đồng (Sáu trăm, bốn mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 1.838.000 đồng (Một triệu, tám trăm, ba mươi tám ngàn đồng) mà bà H đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0003311 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 1.191.000 đồng (Một triệu, một trăm, chín mươi mốt ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị TH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà TH đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0003382 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Mai Thị TH đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Y Phi Kbuôr**